

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH N

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án: 18/2020/HS-ST

Ngày: 11 - 3 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Túc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Anh Thư

Ông Nguyễn Văn Tấn

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Như - Thư ký Tòa án nhân dân
THÀNH PHỐ Q.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân THÀNH PHỐ Q, TỈNH N tham gia
phiên tòa:*** Ông Nguyễn Khánh Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 11/3/2021 tại Tòa án nhân dân THÀNH PHỐ Q, TỈNH N xét xử sơ
thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2021/HSST ngày 02 tháng 02 năm
2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Võ ngọc T sinh ngày 26 tháng 11 năm 1994 tại Quảng Ngãi,
TỈNH N. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã T, huyện T, TỈNH N; nghề
nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam;
tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông VÕ T sinh năm 1961 và bà Nguyễn
thị N, sinh năm 1963 (đã chết); có vợ tên là Nguyễn thị N1, sinh năm 2001 và 01
con sinh năm 2020; tiền án: Có 01 tiền án về tội: “Cướp tài sản” theo bản án hình
sự sơ thẩm số 329/2014/HSST ngày 26/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện B,
Thành phố Hồ Chí Minh, hình phạt 07 năm tù, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt
tù vào ngày 19/12/2018; tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 04/9/2020 đến ngày
11/9/2020 tại Nhà tạm giữ Công an THÀNH PHỐ Q, ngày 11/9/2020 hủy bỏ quyết
định tạm giữ, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã Nghĩa
Trung, huyện Tư Nghĩa, TỈNH N từ ngày 11/9/2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại
phiên tòa.

Bị hại: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1975. Địa chỉ: Tổ 4, phường Chánh Lộ,
THÀNH PHỐ Q, TỈNH N

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông VÕ T, sinh năm 1961. Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, TỈNH N.

- Ông Bùi Văn T, sinh năm 1976. Địa chỉ: Tổ 4, phường Nghĩa Chánh,
THÀNH PHỐ Q, TỈNH N.

- Bà Võ Thị L, sinh năm 1974

Địa chỉ: Số 624/6A đường K, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông T, ông T1, ông T2, bà L vắng mặt. Ông T, ông T1, ông T2 có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 ngày 03/9/2020, bị cáo Võ ngọc T điều khiển xe mô tô BKS 59N1-01692 đi đến đường P, THÀNH PHỐ Q với mục đích mua thức ăn. Khi đi qua đoạn đường trước số nhà 344 P, phường C, thành phố Q thì bị cáo phát hiện xe mô tô BKS 76U1-156.31, hiệu Future của anh Bùi Văn T đang dựng trước nhà, có cắm sẵn chìa khóa và không có người trông coi. Nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô này để bán tiêu xài nên bị cáo T tiếp tục điều khiển xe đi đến quán cà phê Venus 1 ở gần đó, bỏ xe tại quán và đi bộ quay lại số nhà 344 Phan Đình Phùng. Đến nơi, bị cáo T lén lút đi đến vị trí xe mô tô BKS 76U1-156.31, mở chìa khóa điện và điều khiển xe mô tô trên đến nhà xe của Bệnh viện đa khoa TỈNH N để gửi lại. Sau đó, bị cáo quay lại quán cà phê Venus 1 lấy xe mô tô BKS 59N1-01692 về nhà.

Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, bị cáo T điều khiển xe mô tô BKS 59N1-01692 quay lại nhà xe Bệnh viện, gửi xe mô tô này lại và lấy xe mô tô BKS 76U1-156.31 đem đi bán. Bị cáo Tuyến vừa đưa xe mô tô BKS 76U1-156.31 ra đến cổng Bệnh viện đa khoa TỈNH N thì bị Công an phường Chánh Lộ phát hiện kiểm tra, mời về trụ sở làm việc. Tại Công an phường Chánh Lộ và Cơ quan Cảnh sát điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số 47/KL-HĐĐGTS ngày 09/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản kết luận xe mô tô BKS 76U1-156.31 tại thời điểm định giá có giá trị 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*)

Về xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe mô tô BKS 76U1-156.31, hiệu Future, số máy: 1093771, số khung: 061095 cho người bị hại Bùi Văn T.

Qua điều tra xác định xe mô tô loại Dream, BKS 59M1-01692 là phương tiện được bị cáo sử dụng để phạm tội. Đây là xe do cha ruột của bị cáo là ông VÕ T đăng ký sở hữu, ông T1 đã cho bị cáo mượn xe nhưng không biết việc bị cáo sử dụng xe trên để phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe cho ông VÕ T theo đúng quy định của pháp luật.

Về dân sự: Người bị hại Bùi Văn T đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu khác về dân sự.

Tại bản Cáo trạng số 89/CT – VKS ngày 12 tháng 11 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân THÀNH PHỐ Q truy tố bị cáo Võ ngọc T phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân THÀNH PHỐ Q giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Võ ngọc T từ 01 năm đến 01 năm 06 tù về tội: “ Trộm cắp tài sản”

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng hình sự:

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an THÀNH PHỐ Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân THÀNH PHỐ Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Do có sự khác nhau về tên, năm sinh của cha bị cáo và khác nhau về họ, năm sinh của mẹ bị cáo Võ ngọc T trong Bản án số 329/2014/HSST ngày 26/9/2014, giấy khai sinh của Võ ngọc T, trích lục tiền án của bị cáo Võ ngọc T và lời khai tại phiên tòa ngày 22/12/2020 của cha bị cáo. Hội đồng xét xử đã trả điều tra bổ sung để làm rõ những vấn đề trên và đề nghị thu thập những giấy tờ nhân thân cũ của cha, mẹ bị cáo như sổ hộ khẩu cũ, giấy chứng minh nhân dân, giấy tờ xác nhận quân nhân... để làm căn cứ xác định cha, mẹ bị cáo có họ và tên, năm sinh chính xác là gì và theo căn cứ giấy tờ nhân thân nào của họ là phù hợp. Tuy nhiên Viện kiểm sát vẫn không thu thập được thêm những tài liệu, chứng cứ nào về nhân thân cha, mẹ bị cáo T để làm rõ sự khác nhau về họ, tên và năm sinh của cha, mẹ bị cáo trong các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ: Trích lục tiền án, tiền sự, chứng minh nhân dân mang tên Võ ngọc T, giấy khai sinh Võ ngọc T, giấy xác nhận kết quả thi hành án dân sự, Quyết định thi hành án dân sự, danh chỉ bản số 309 do Công an THÀNH PHỐ Q lập ngày 09/9/2020; Bản án số 329/2014/HSST ngày 26/9/2014 và Giấy xác nhận chấp hành xong án phạt tù, sổ hộ khẩu hộ ông VÕ T, giấy khai sinh của ông VÕ T, Biên bản xác minh tại Công an xã N, huyện T, TỈNH N, Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã N, lời khai bị cáo và cha bị cáo tại phiên tòa ngày 22/12/2020. Hội đồng xét xử xác định cha bị cáo tên là VÕ T, sinh năm 1961 và mẹ bị cáo tên là Nguyễn thị N sinh năm 1963 (đã chết).

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] Tại phiên tòa bị cáo Võ ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo Võ Ngọc T là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng để có tiền tiêu xài nên bị cáo lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của anh Tuấn để sẵn chìa khóa trên xe nên bị cáo T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô biển kiểm soát 76U1-156.31 được định giá là 15.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, là khách thể được Bộ luật hình sự bảo vệ, đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự

[2.2] Để áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi và hậu quả của bị cáo gây ra nhưng cũng thể hiện được chính sách nhân đạo của pháp luật hình sự, Hội đồng xét xử khi quyết định hình phạt cho bị cáo đều phải xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Võ ngọc T đã bị kết án về tội: “Cướp tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 329/2014/HSST ngày 26/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, hình phạt 07 năm tù, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 19/12/2018. Tính đến thời điểm ngày 03/9/2020, bị cáo chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo có 01 tiền án.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận định Viện kiểm sát nhân dân THÀNH PHỐ Q đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù đối với bị cáo Võ ngọc T phạm tội: “ Trộm cắp tài sản.” là phù hợp với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

[2.3] Về bồi thường dân sự: Người bị hại Bùi Văn T đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu khác về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về xử lý vật chứng:

Qua điều tra xác định xe mô tô loại Dream, BKS 59M1-016.92 là phương tiện được bị cáo sử dụng để phạm tội. Đây là xe do em ruột của ông VÕ T là bà Võ Thị L mua của ông Chiêu Vĩ Cường thể hiện trong giấy bán, cho, tặng, xe nhưng chưa làm thủ tục sang tên cho bà L. Bà L đã cho ông VÕ T chiếc xe này để làm phương tiện đi lại. Ông T1 đã cho bị cáo mượn xe nhưng không biết việc bị cáo sử dụng xe trên để phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe cho ông VÕ T là phù hợp.

[2.5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[2.6] Tuyên quyền kháng cáo cho người tham gia tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- **Căn cứ vào:** Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 106, 136, Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về trách nhiệm hình sự:

- **Tuyên bố:** Bị cáo Võ ngọc T phạm tội: “ Trộm cắp tài sản ”

- **Xử phạt:** Võ ngọc T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: “ Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 04/9/2020 đến ngày 11/9/2020.

2. Về bồi thường dân sự: Người bị hại Bùi Văn T đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu khác về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về xử lý vật vật chứng:

Qua điều tra xác định xe mô tô loại Dream, BKS 59M1-016.92 là phương tiện được bị cáo sử dụng để phạm tội. Đây là xe do em ruột của ông VÕ T là bà Võ Thị L mua của ông Chiêu Vĩ Cường thể hiện trong giấy bán, cho, tặng, xe nhưng chưa làm thủ tục sang tên cho bà L. Bà L đã cho ông VÕ T chiếc xe này để làm phương tiện đi lại. Ông T1 đã cho bị cáo mượn xe nhưng không biết việc bị cáo sử dụng xe trên để phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe cho ông VÕ T là phù hợp.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND TỈNH N;
- VKSND TỈNH N;
- VKSND TP. Q;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Q;
- Chi cục THADS TP.Q;
- Cơ quan THAHS Công an TP.Q;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ CATP.Q;
- Sở Tư pháp TỈNH N;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, THAHS, AV.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Túc